

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1986** /UBND-GD

Bim Sơn, ngày 06 tháng 10 năm 2017

V/v đề xuất giải pháp nhằm giải quyết tình trạng
thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học hiện nay

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 2252/SGDDĐT-TCCB của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa về việc thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Thông báo số 401/TB-VPCP ngày 29/8/2017 của Văn phòng Chính phủ; UBND thị xã Bim Sơn báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Thống kê số lượng cán bộ quản lý và giáo viên trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo Biểu 1 và Biểu 2 gửi kèm theo Báo cáo này.

2. Đề xuất giải pháp nhằm giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học hiện nay.

- Ngành giáo dục Thị xã từ năm 2015 đến nay học sinh ra lớp tăng cả 3 bậc học nhưng biên chế được UBND Tỉnh giao không tăng và cũng không điều chỉnh biên chế giữa 3 cấp học theo từng năm học do đó thiếu giáo viên so với biên chế được giao và thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế nhất là các môn đặc thù.

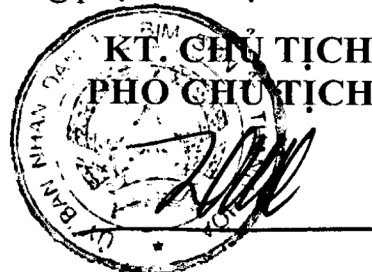
- Đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND tỉnh:

+ Giao biên chế hàng năm phù hợp với nhu cầu thực tế từng cấp học quy định tại Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh. Nếu không giao tăng biên chế thì cho chủ trương hợp đồng để có đủ giáo viên giảng dạy theo nhu cầu thực tế.

+ Ban hành văn bản quy định biên chế lớp, giáo viên, nhân viên theo quy định của Trung ương, nâng tỷ lệ GV/lớp và bố trí 1 tổng phụ trách đội cho mỗi trường.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Thanh Hóa (b/c);
- CT, PCT UBND thị xã (b/c);
- Lưu: VT, GD.



Mai Đình Lâm

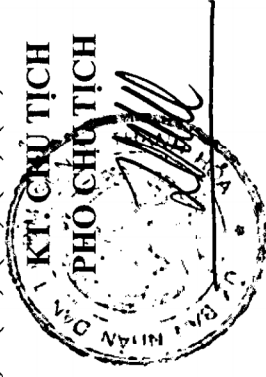
THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ QUẢN LÝ CÁC BẠCH HỌC MÀM NON, TH, THCS

(Kèm theo Công văn số /UBND-GD ngày tháng năm 2017 của UBND Thị xã Bim Sơn)

TT	Bậc học	Số trường	Số cán bộ quản lý			Trình độ chuyên môn			Trình độ lý luận chính trị			Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD		Năng lực lãnh đạo, quản lý		Kết quả xếp loại chuẩn CBQL năm học 2016-2017				Nhu cầu bồi dưỡng			
			Tổng	Trong đó	Thừa	Thiếu	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Thạc sỹ trở lên	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Có chứng chỉ	Chưa có chứng chỉ	Đáp ứng được yêu cầu	Chưa đáp ứng được yêu cầu	Xuất sắc	Khá	TB	Chưa đạt	Chuyên môn, nghiệp vụ	Lý luận chính trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Mầm non	8	18	0	6	0	16	2	0	0	15	1	17	1	18	0	18	0	0	0	0	3	0
2	Tiểu học	7	16	0	0	0	16	0	0	0	12	1	16	0	16	0	16	1	0	0	0	1	0
3	THCS	6	11	0	2	0	10	1	0	0	7	2	10	1	11	0	10	1	0	0	0	2	0
4	TH&THCS	2	6	0	0	0	6	0	0	0	4	1	5	1	6	0	5	0	0	0	1	1	1
	Tổng	23	51	0	8	0	48	3	0	0	38	5	48	3	51	0	49	2	0	0	1	7	1

Ghi chú:

- + Cột (16)+(17): Ước lượng số CBQL đáp ứng, hoặc chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nói riêng (do chưa cập nhật kiến thức và kỹ năng thường xuyên).
- + Cột (22)+(23)+(24): Số CBQL cần bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, triển khai chương trình, sách giáo khoa mới nói riêng.
- + Căn đảm bảo tính logic: Cột (4) = Cột (7)+(8)+(9)+(10)=Cột (11)+(12)+(13)=(14+15)=(16)+(17) = (18)+(19)+(20)+(21).



Mai Đình Lâm

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN CÁC BẬC HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS

(Kèm theo Công văn số /UBND-GD ngày tháng năm 2017 của UBND Thị xã Bim Sơn)

TT	Bậc học	Số giáo viên		Trình độ chuyên môn				Năng chuyên môn, nghiệp vụ		Kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2016-2017			Nhu cầu đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng					
		Tổng	Trong đó	Thạc sĩ trở lên	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp trở xuống	Đáp ứng được yêu cầu	Chưa đáp ứng được yêu cầu	Xuất sắc	Khá	TB	Chưa đạt chuẩn-Loại Kém	Đào tạo lại, bồi dưỡng	Nhu cầu đào tạo đến năm 2020	Năm 1918	Năm 1919	Năm 1920
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Mầm non	147	0	46	0	98	18	31	147	0	74	70	3	0	0	0	0	2
1.1	Trong biên chế	128	0	46	0	93	12	23	128	0	67	58	3	0	0	0	0	1
1.2	Hợp đồng 60	19	0	0	0	5	6	8	19		7	12	0	0	0	0	0	1
2	Tiểu học	168	0	0	0	118	34	16	168	0	98	70	0	0	0	11	4	4
3	THCS	133	0	0	0	91	42	0	133	0	42	90	1	0	0	3	6	10
3.1	Toán	18	0	0	0	11	7	0	18	0	9	9	0	0	0	2	1	1
3.2	Văn	25	0	0	0	16	9	0	25	0	11	13	1	0	0	1	3	2
3.3	Sinh	4	0	0	0	2	2	0	4	0	1	3	0	0	0	0	0	0
3.4	Vật lý	9	0	0	0	6	3	0	9	0	1	8	0	0	0	0	0	0
3.5	Hóa	7	0	0	0	7	0	0	7	0	1	6	0	0	0	0	0	1
3.6	Sử	5	0	0	0	4	1	0	5	0	2	3	0	0	0	0	0	1
3.7	Địa	6	0	0	0	1	5	0	6	0	3	3	0	0	0	0	1	1
3.8	Ngoại ngữ	14	0	0	0	14	0	0	14	0	6	8	0	0	0	0	1	1
3.9	GDCD	6	0	0	0	6	0	0	6	0	1	5	0	0	0	0	0	1
3.10	Thể dục	9	0	0	0	4	5	0	9	0	2	7	0	0	0	0	0	0
3.11	Công nghệ	9	0	0	0	9	0	0	9	0	2	7	0	0	0	0	0	0
3.12	Tin	2	0	0	0	2	0	0	2	0	1	1	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Cột (5)+(6): Thừa, thiếu so với biên chế được giao.
- Cột (11)+(12): Ước lượng số GV đáp ứng, hoặc chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nói riêng (do chưa cập nhật kiến thức và kỹ năng thường xuyên).
- Cột (17): Số GV cần đào tạo lại và bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình, sách giáo khoa mới; đào tạo lại và bồi dưỡng theo diện điều chuyển dạy mầm non, tiểu học.
- Cột (18)+(19)+(20): Đào tạo để đáp ứng nhu cầu thế chỗ giáo viên về hưu, hoặc tăng thêm.
- Cần đảm bảo tính logic: Cột 4 = cột (7) + (8) + (9) + (10) = (11)+(12) = (13)+(14)+(15)+(16)

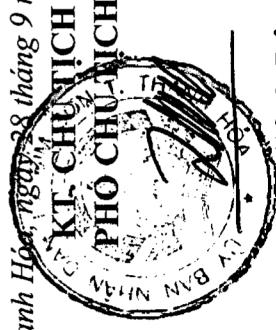
Thanh Hóa, ngày 28 tháng 9 năm 2017

NGƯỜI THỐNG KÊ



Hoàng Thị Hương

ĐT:01683355288



Mai Đình Lâm